

Số: 960/TB-GTCB

Cao Bằng, ngày 11 tháng 6 năm 2021

THÔNG BÁO CHÀO HÀNG RỘNG RÃI

Đơn hàng: Cung cấp dịch vụ vận chuyển - giao nhận quặng sắt tuyển Lào Cai - Cao Bằng cho Công ty CP Gang thép Cao Bằng, tại phiên chào giá ngày 18/6/2021

Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng (CISCO) tổ chức chào hàng rộng rãi Đơn hàng cung cấp dịch vụ vận chuyển - giao nhận quặng sắt tuyển Lào Cai - Cao Bằng cho Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng.

Kính mời đại diện Quý khách hàng là các doanh nghiệp trong và ngoài nước, có chức năng và có khả năng cung cấp dịch vụ tham gia chào giá để cung cấp dịch vụ vận chuyển - giao nhận quặng sắt của Phiên chào giá này.

Thông tin chi tiết về Phiên chào giá cụ thể như sau:

1. Phạm vi cung cấp dịch vụ, yêu cầu kỹ thuật:

- Tên đơn hàng: Dịch vụ vận chuyển - giao nhận quặng sắt tuyển Lào Cai - Cao Bằng cho Công ty CP Gang thép Cao Bằng.
- Số hiệu đơn hàng: VCGN062021.
- Dạng dịch vụ: Dịch vụ trọn gói.

2. Tiến độ cung cấp:

TT	Dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng	Tiến độ cung cấp	Địa điểm, tuyến đường cung cấp dịch vụ
1	Dịch vụ vận chuyển - giao nhận quặng sắt tuyển Lào Cai - Cao Bằng cho Công ty CP Gang thép Cao Bằng	Tấn	5.000±10%	Thực hiện liên tục trong các ngày làm việc từ 20/6/2021 đến 15/8/2021	Từ huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai tới TP Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- Khối lượng giao nhận mỗi ngày làm việc: Trung bình tối thiểu 150 tấn.

3. Địa điểm giao nhận hàng hóa:

- Địa điểm nhận hàng: Kho quặng sắt Công ty CP Khoáng sản 3 - Vimico, địa chỉ: Mỏ sắt Làng Vinh, Làng Cọ, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Đơn vị giao hàng: Công ty CP Khoáng sản 3 - Vimico.

- Địa điểm giao hàng: Kho quặng sắt Công ty CP Gang thép Cao Bằng, Phân xưởng Khai tuyển - Mỏ sắt Nà Rụa, phường Tân Giang, TP Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

III. Các thông tin khác liên quan đến hàng hóa chào giá, Phiên chào giá được quy định cụ thể trong bộ Hồ sơ chào giá rộng rãi.

IV. Thời gian, địa điểm nhận Hồ sơ mời tham gia chào giá: Từ 09h00 ngày 11/6/2021 đến 14h00 ngày 18/6/2021, tại phòng Kế hoạch Vật tư - Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng.

V. Thời gian nộp hồ sơ chào giá: Từ 14h00 ngày 11/6/2021 đến 14h00 ngày 18/6/2021.

VI. Địa chỉ thông báo và niêm yết thông tin chào giá: Thông tin Phiên chào giá hàng hóa được thông báo trên website Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, trang mạng điện tử của Công ty, đồng thời được niêm yết tại trụ sở Công ty từ 09h00 ngày 11/6/2021 đến 14h00 ngày 18/6/2021.

VII. Thời gian và địa điểm mở chào hàng:

Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng sẽ tiến hành tổ chức mở chào hàng vào lúc 14h30 ngày 18/6/2021 tại trụ sở Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng, địa chỉ: Km7, QL 4A, xã Chu Trinh, TP Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng kính mời đại diện các đơn vị tham gia chào hàng đến dự lễ mở chào hàng vào thời gian và địa điểm nêu trên./.

Nơi nhận:

- Các đơn vị quan tâm;
- Website Cty;
- Lưu: VP, KHVT.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Phương



Số: 669 /QĐ-GTCB

Cao Bằng, ngày 11 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Hồ sơ mời chào giá cung cấp dịch vụ vận chuyển - giao nhận
quặng sắt tuyển Lào Cai - Cao Bằng cho Công ty CP Gang thép Cao Bằng
(Phiên chào giá rộng rãi ngày 18/6/2021)**

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CP GANG THÉP CAO BẰNG

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty CP Gang thép Cao Bằng đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngày 11/10/2006; Sửa đổi, bổ sung lần 3 ngày 27/4/2018;

Căn cứ Quyết định số 1095/QĐ-HDQT ngày 04/12/2020 của Hội đồng quản trị Công ty về việc ban hành Quy chế quản lý công tác vật tư của Công ty CP Gang thép Cao Bằng.

Căn cứ Quyết định số /QĐ-GTCB ngày 11/6/2021 của Giám đốc Công ty CP Gang thép Cao Bằng về việc phê duyệt Kế hoạch cung cấp Dịch vụ vận chuyển - giao nhận quặng sắt tuyển Lào Cai - Cao Bằng cho Công ty CP Gang thép Cao Bằng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành “Hồ sơ mời chào giá cung cấp dịch vụ vận chuyển - giao nhận quặng sắt tuyển Lào Cai - Cao Bằng cho Công ty CP Gang thép Cao Bằng” kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Ban giám đốc, Trưởng các phòng chức năng Công ty, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng giá Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VP, KHVT.



Nguyễn Văn Phương

HỒ SƠ MỜI CHÀO GIÁ

(Kèm theo Quyết định số 669 /QĐ-GTCB ngày 11/6/2021)

HỒ SƠ MỜI CHÀO GIÁ

Tên đơn hàng: Dịch vụ vận chuyển - giao nhận quặng sắt tuyển Lào Cai - Cao Bằng cho Công ty CP Gang thép Cao Bằng.

Số hiệu đơn hàng: VCGN062020

Phát hành ngày: 11/6/2021.

BÊN MỜI CHÀO GIÁ
CÔNG TY CP GANG THÉP CAO BẰNG



Nguyễn Văn Phương

Chương I. YÊU CẦU VỀ HỒ SƠ CHÀO GIÁ

Mục 1. Bên mời chào giá

1. Tên bên mời chào giá: Công ty CP Gang thép Cao Bằng (CISCO).

2. Bên mời chào giá mời các Nhà cung cấp tham gia chào giá rộng rãi cung cấp dịch vụ theo đơn hàng “Dịch vụ vận chuyển - giao nhận quặng sắt tuyển Lào Cai - Cao Bằng cho Công ty CP Gang thép Cao Bằng”, số hiệu đơn hàng VCGN062021.

3. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

Mục 2. Các yêu cầu về hàng hóa

Phạm vi công việc, yêu cầu của đơn hàng nêu tại Chương II của Hồ sơ mời chào giá này.

Mục 3. Các yêu cầu về tư cách pháp nhân, năng lực, kinh nghiệm của Nhà cung cấp

Nhà cung cấp phải nộp các giấy tờ sau:

1. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy phép kinh doanh (Bản sao công chứng).

2. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng (Giấy ủy quyền, quyết định bổ nhiệm hoặc văn bản tương đương).

3. Tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm:

- Bản sao Báo cáo tài chính năm 2020.

- Bản sao Báo cáo quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020;

- Tài liệu chứng minh năng lực vận chuyển - giao nhận ≥ 200 tấn/ngày:

+ Bản sao công chứng giấy tờ chứng minh quyền sở hữu phương tiện vận tải của chủ sở hữu phương tiện vận tải kèm theo, đảm bảo năng lực vận chuyển - giao nhận hàng hóa (quặng sắt) ≥ 200 tấn/ngày.

+ Có ít nhất 01 hợp đồng đã thực hiện về vận tải quặng sắt (bản sao hợp đồng, hóa đơn).

- Bảng kê danh mục phương tiện: Liệt kê chi tiết các phương tiện vận tải phù hợp với yêu cầu về phạm vi cung cấp nêu tại Chương II - Phạm vi, yêu cầu của đơn hàng, theo Mẫu số 04, Chương III-Biểu mẫu, cần thiết để thực hiện dịch vụ và thuộc quyền sở hữu hoặc quyền quản lý, sử dụng, điều hành của Nhà cung cấp, phù hợp với hồ sơ các phương tiện vận tải đề cập trên đây.

- Bản sao công chứng các hợp đồng cung cấp dịch vụ giống hoặc tương tự dịch vụ thuộc đơn hàng, bao gồm cả tài liệu chứng minh đã hoàn thành thực hiện các hợp đồng này trong khoảng thời gian 06 (sáu) tháng trước thời điểm chào hàng, với doanh thu vận tải hàng hóa 06 (sáu) tháng này $\geq 5.000.000.000$ đồng (Năm tỷ đồng). Nhà cung cấp phải cung cấp tài liệu chứng minh nội dung này (hồ sơ bao gồm bản photo các hóa đơn và biên bản giao nhận hàng hóa).

- Bên mời chào giá chỉ chấp nhận Nhà cung cấp là một đơn vị độc lập với điều kiện đảm bảo các yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá.

Mục 4. Các yêu cầu về thương mại

1. Giá, thuế, phí, lệ phí:

a. Giá chào:

Giá chào là giá do Nhà cung cấp ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện đơn hàng trên toàn bộ tuyến đường và tại (các) địa điểm thực hiện dịch vụ theo yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá và bao gồm toàn bộ các loại thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp Nhà cung cấp chào giá không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì Hồ sơ chào giá của Nhà cung cấp sẽ bị loại.

b. Trường hợp Nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì có thể theo hình thức thư giảm giá riêng hoặc ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm Bên mời chào giá nhận được đề xuất giảm giá này trước thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá. Trong đề xuất giảm giá, Nhà cung cấp cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Thư giảm giá gửi sau thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá sẽ không được chấp nhận.

c. Nhà cung cấp chỉ được quyền chào giá dịch vụ cho toàn bộ lượng hàng hóa thuộc phạm vi sử dụng dịch vụ.

2. Địa điểm, thời gian giao nhận hàng hóa:

a. Địa điểm nhận hàng: Kho quặng sắt Công ty CP Khoáng sản 3 - Vimico, địa chỉ: Mỏ sắt Làng Vinh, Làng Cọ, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Đơn vị giao hàng: Công ty CP Khoáng sản 3 - Vimico. Thiết bị cân đong: Công ty CP Khoáng sản 3 - Vimico, trong thời hạn hiệu lực của giấy phép hiệu chuẩn. Chi phí bốc xếp và cân hàng hóa/cân phương tiện do Công ty CP Khoáng sản 3 - Vimico chịu.

b. Thời gian nhận hàng: Trong giờ làm việc vào các ngày làm việc trong tháng.

c. Địa điểm giao hàng: Kho quặng sắt Công ty CP Gang thép Cao Bằng, Phân xưởng Khai tuyển - Mỏ sắt Nà Rụa, phường Tân Giang, TP Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Đơn vị nhận hàng: Công ty CP Gang thép Cao Bằng. Thiết bị cân đong: Công ty CP Gang thép Cao Bằng, trong thời hạn hiệu lực của giấy phép hiệu chuẩn.

d. Thời gian giao hàng: Trong giờ làm việc vào các ngày làm việc trong tháng, không quá 72h (bảy mươi hai) giờ kể từ khi nhận hàng tại Lào Cai, trừ trường hợp bất khả kháng.

3. Thanh toán: Trong vòng 45 (bốn mươi năm) ngày kể từ ngày Bên mời chào giá nhận được bộ hồ sơ đề nghị thanh toán hoàn chỉnh. Bộ hồ sơ đề nghị thanh toán gồm:

- 01 (một) bản gốc Văn bản đề nghị thanh toán của bên cung cấp dịch vụ;
- 02 (hai) bản chính Biên bản tổng hợp kèm Biên bản nghiệm thu khối lượng vận chuyển theo từng tháng (vào ngày đầu tiên của tháng kế tiếp), liệt kê chi tiết khối lượng hàng hóa của từng phương tiện vận chuyển, theo ngày nhận hàng tại Lào Cai và ngày giao hàng tại Cao Bằng.
- Bản chính các Biên bản giao nhận hàng hóa mỗi ngày giao nhận (kèm theo bản gốc toàn bộ các Phiếu cân hàng) tại cả hai đầu nhận và giao hàng.
- Biên bản quyết toán khối lượng và giá trị hàng tháng (02 bên cùng ký và đóng dấu).

- 01 (một) bản gốc Hóa đơn giá trị gia tăng (hoặc hóa đơn dịch vụ) bao gồm toàn bộ các loại thuế, phí do bên cung cấp dịch vụ phát hành.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền và ngôn ngữ trong chào giá

1. Nhà cung cấp phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự chào giá.
2. Đồng tiền tham dự chào giá và đồng tiền thanh toán là đồng Việt Nam (VNĐ).
3. Hồ sơ chào giá cũng như tất cả các văn bản và các tài liệu liên quan đến Hồ sơ chào giá được trao đổi giữa Bên mời chào giá và Nhà cung cấp phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu hỗ trợ trong Hồ sơ chào giá có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận đóng dấu của cơ quan dịch thuật. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời chào giá có thể yêu cầu Nhà cung cấp gửi bổ sung.

Mục 6. Nội dung Hồ sơ chào giá

Nhà cung cấp phải chuẩn bị 01 (một) bộ hồ sơ bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng: Theo **Mẫu số 01** Chương III - Biểu mẫu.

Nhà cung cấp phải nộp Hồ sơ chào giá có đơn chào hàng theo Mẫu số 01, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

2. Bảo đảm tham gia chào giá: Theo hình thức hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành, nộp tiền mặt tại Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng hoặc chuyển khoản vào tài khoản số 33010000017892 tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh Cao Bằng của Bên mời chào giá trước khi nộp Hồ sơ chào giá cho Bên mời chào giá. Thời điểm ghi có cho tài khoản của Bên mời chào giá tại Ngân hàng nhận được coi là thời điểm khách hàng hoàn tất việc nộp tiền đặt cọc bảo đảm tham gia chào giá và phải được phòng Tài chính Kế toán của Bên mời chào giá xác nhận bằng văn bản.

- Giá trị của Bảo đảm tham gia chào giá: 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

- Xử lý bảo đảm tham gia chào giá:

+ Tiền đặt cọc bảo đảm tham gia chào giá sẽ được trả lại cho các Nhà cung cấp không được Bên mời chào giá lựa chọn chậm nhất là 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày mở Phiên chào giá.

+ Tiền đặt cọc bảo đảm tham gia chào giá sẽ không được trả lại cho Nhà cung cấp được Bên mời chào giá lựa chọn làm Nhà cung cấp trúng chào giá nếu Nhà cung cấp trúng chào giá từ chối ký Hợp đồng (trong thời gian quy định tại Mục 14) hoặc ký Hợp đồng nhưng không thực hiện và/hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ bảo đảm thực hiện hợp đồng và/hoặc nghĩa vụ bảo đảm bồi thường thiệt hại. Bên mời chào giá là người hưởng lợi từ các vi phạm này của Nhà cung cấp trúng chào giá. Tiền đặt cọc bảo đảm tham gia chào giá được trả lại cho Nhà cung cấp trúng chào giá trong vòng 2 (hai) ngày làm việc kể từ ngày Nhà cung cấp trúng chào giá hoàn thành nghĩa vụ bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo đảm bồi thường thiệt hại theo Hợp đồng dịch vụ vận chuyển-giao nhận hàng hóa đã ký giữa hai bên.

3. Các tài liệu chứng minh tư cách pháp nhân, năng lực, kinh nghiệm của Nhà cung cấp theo quy định tại Mục 3 của Hồ sơ mời chào giá này.

Mục 7. Thời hạn hiệu lực của Hồ sơ chào giá

Thời gian có hiệu lực của Hồ sơ chào giá là **30** (ba mươi) ngày, kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá.

Mục 8. Nộp, tiếp nhận, mở Hồ sơ chào giá

1. Hồ sơ chào giá bắt buộc phải được đựng trong phong bì dán kín và có niêm phong gửi về địa chỉ: Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng - Km7, QL4A, xã Chu Trinh, TP Cao Bằng không muộn hơn **14h00 ngày 18/6/2021**. Các Hồ sơ chào giá được gửi đến Bên mời chào giá không đúng quy định và/hoặc sau thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá sẽ không được xem xét.

2. Các Hồ sơ chào giá sẽ được mở đồng thời một cách công khai tại Khu liên hợp Gang thép Cao Bằng - Km7, QL4A, xã Chu Trinh, TP Cao Bằng (trừ trường hợp xử lý tình huống khi chỉ có ít hơn 03 (ba) Nhà cung cấp nộp Hồ sơ chào giá). Bên mời chào giá mời các Nhà cung cấp đã nộp Hồ sơ chào giá chứng kiến và xác nhận việc mở các Hồ sơ chào giá, tuy nhiên trong mọi trường hợp thì việc mở Hồ sơ chào giá vẫn được tiến hành theo quy định mà không phụ thuộc vào việc có mặt hay không của các Nhà cung cấp này.

3. Các thông tin về nội dung chủ yếu của Hồ sơ chào giá của các Nhà cung cấp bao gồm tối thiểu các nội dung: Tên Nhà cung cấp, giá chào, thời gian có hiệu lực của Hồ sơ chào giá sẽ được lập thành một biên bản chung để làm cơ sở đánh giá lựa chọn Nhà cung cấp.

4. Bên mời chào giá chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong Hồ sơ chào giá cho đến khi công bố kết quả lựa chọn Nhà cung cấp.

Mục 9. Làm rõ Hồ sơ chào giá

1. Sau khi mở Hồ sơ chào giá, Nhà cung cấp có trách nhiệm làm rõ Hồ sơ chào giá theo yêu cầu của Bên mời chào giá (nếu có). Trường hợp Hồ sơ chào giá của Nhà cung cấp thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện thì Bên mời chào giá yêu cầu Nhà cung cấp làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện. Đối với các nội dung đề xuất kỹ thuật, tài chính nêu trong Hồ sơ chào giá của Nhà cung cấp, việc làm rõ phải đảm bảo nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của Nhà cung cấp tham gia chào giá, không làm thay đổi nội dung cơ bản của Hồ sơ chào giá đã nộp, không thay đổi giá chào.

2. Việc làm rõ Hồ sơ chào giá giữa Nhà cung cấp và Bên mời chào giá được thực hiện thông qua văn bản.

3. Trong thời gian 03 (ba) ngày kể từ ngày mở Hồ sơ chào giá, trường hợp Nhà cung cấp phát hiện Hồ sơ chào giá của mình thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện thì Nhà cung cấp được phép gửi tài liệu đến Bên mời chào giá để làm rõ về tư cách hợp lệ và năng lực thực hiện của mình. Bên mời chào giá có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của Nhà cung cấp để xem xét, đánh giá các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện được coi như một phần của Hồ sơ chào giá.

4. Việc làm rõ Hồ sơ chào giá chỉ được thực hiện giữa Bên mời chào giá và Nhà cung cấp có Hồ sơ chào giá cần phải làm rõ. Các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện được coi là một phần của Hồ sơ chào giá và được Bên mời chào giá bảo quản như Hồ sơ chào giá.

Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện và yêu cầu kỹ thuật, tài chính nếu quá thời hạn làm rõ mà Nhà cung cấp không làm rõ được hoặc có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời chào giá thì Bên mời chào giá sẽ đánh giá Hồ sơ chào giá của Nhà cung cấp theo Hồ sơ chào giá đã nộp hợp lệ trước đó.

Mục 10. Đánh giá Hồ sơ chào giá

Việc đánh giá Hồ sơ chào giá được thực hiện theo các quy định dưới đây:

1. Đánh giá về tính hợp lệ của Hồ sơ chào giá:

Hồ sơ chào giá được đánh giá là hợp lệ khi bao gồm đầy đủ các nội dung theo yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá.

2. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

Đánh giá theo tiêu chí đạt/không đạt để đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được nêu tại Hồ sơ mời chào giá.

3. Đánh giá về giá:

- Cách xác định đơn giá đánh giá thấp nhất theo các bước sau:

+ Bước 1: Xác định giá chào đối với từng hạng mục dịch vụ nêu tại Chương II (đã bao gồm sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, nếu có).

+ Bước 2: Xác định giá đánh giá trên cơ sở quy về một mặt bằng, có tính đến các điều kiện về thanh toán.

+ Bước 3: Xếp hạng các hồ sơ chào giá theo đơn giá.

So sánh đơn giá đánh giá giữa các Hồ sơ chào giá, Hồ sơ chào giá có đơn giá đánh giá thấp nhất được xếp thứ nhất.

Mục 11. Quyết định lựa chọn Nhà cung cấp

Nhà cung cấp được xem xét, quyết định lựa chọn cung cấp dịch vụ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có Hồ sơ chào giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong Hồ sơ mời chào giá;

2. Được xem xét đề nghị cung cấp hàng hóa theo xếp hạng các Hồ sơ chào giá từ thấp nhất đến các thứ hạng tiếp theo.

Bên mời chào giá bảo lưu toàn bộ quyền lựa chọn nhiều hơn 01 (một) Nhà cung cấp hoặc không lựa chọn Nhà cung cấp nào.

Mục 12. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

Nhà cung cấp được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng như sau:

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 10% (mười phần trăm) giá trị hợp đồng.

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng:

+ Thư bảo lãnh của Ngân hàng hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam.

+ Nộp tiền vào tài khoản Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng số TK: 3301 0000 017 892 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam Chi nhánh Cao Bằng.

+ Trường hợp Bên B có công nợ dư tại Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng theo các hợp đồng kinh tế đã phát sinh trước đây thì có thể dùng phần dư có đó để chuyển thành bảo đảm thực hiện hợp đồng (nếu phần dư có đủ giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng, nếu chưa đủ có thể chuyển khoản bổ sung cho phần thiếu hụt).

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Có hiệu lực kể từ ngày phát hành đến ngày bên cung cấp dịch vụ hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo Hợp đồng.

Mục 13. Hợp đồng

Nhà cung cấp được duyệt sẽ được mời ký kết và thực hiện hợp đồng với Bên mời chào giá với các nội dung hợp đồng bao gồm nhưng không giới hạn bởi các điều kiện theo dự thảo Hợp đồng Mẫu số 02 Chương III - Biểu mẫu.

Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày Bên mời chào giá ra văn bản thông báo kết quả lựa chọn, Nhà cung cấp trúng chào giá phải tiến hành xong việc thương thảo và ký kết Hợp đồng mua bán hàng hóa toàn bộ lượng hàng hóa được Bên mời chào giá chọn mua của Nhà cung cấp trong Phiên chào giá. Sau thời hạn trên, nếu Nhà cung cấp trúng chào giá không tiến hành việc thương thảo và ký kết Hợp đồng, hoặc sau khi ký Hợp đồng nhưng không thực hiện và/hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ bảo đảm thực hiện hợp đồng, thì được xem như Nhà cung cấp ấy từ chối tư cách Nhà cung cấp trúng chào giá. Bên mời chào giá có thể hủy kết quả chào giá hoặc mời Nhà cung cấp đạt yêu cầu tiếp theo trong Phiên chào giá để thương thảo và ký kết Hợp đồng.

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA ĐƠN HÀNG

Nhà cung cấp chỉ được quyền chào giá toàn bộ lượng hàng hóa tham gia mời chào giá theo nội dung yêu cầu dưới đây:

1. Phạm vi cung cấp dịch vụ, yêu cầu kỹ thuật:

- Tên đơn hàng: Dịch vụ vận chuyển - giao nhận quặng sắt tuyến Lào Cai - Cao Bằng cho Công ty CP Gang thép Cao Bằng.

- Số hiệu đơn hàng: VCGN042021.

- Dạng dịch vụ: Dịch vụ trọn gói.

2. Tiến độ cung cấp:

TT	Dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng	Tiến độ cung cấp	Địa điểm, tuyến đường cung cấp dịch vụ
1	Dịch vụ vận chuyển - giao nhận quặng sắt tuyến Lào Cai - Cao Bằng cho Công ty CP Gang thép Cao Bằng	Tấn	5.000±10%	Thực hiện liên tục trong các ngày làm việc từ 20/6/2021 đến 15/8/2021	Từ huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai tới TP. Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- Khối lượng giao nhận mỗi ngày làm việc: Trung bình tối thiểu 150 tấn.

3. Chất lượng dịch vụ:

- Chênh lệch cân đong giữa hai đầu giao nhận hàng hóa: Tối đa bằng 0,35% (không phải ba năm % phần trăm).

- Thời gian vận chuyển-giao nhận: Tối đa một chuyến hàng từ khi nhận hàng tại Lào Cai cho đến khi hoàn thành giao hàng tại Cao Bằng là 72 (bảy mươi hai) giờ, trừ trường hợp bất khả kháng.

- Phương tiện vận chuyển có thùng kín hoặc che phủ bạt cẩn thận để tránh mất mát, không được để nước hay bụi bẩn làm ảnh hưởng tới chất lượng hàng hóa.

- Có phương án vận chuyển hàng hoá an toàn từ nơi nhận hàng đến nơi giao hàng, phù hợp với yêu cầu về tiến độ cung cấp.

- Có phương án áp tải, bảo vệ hàng hóa từ khi nhận hàng cho đến khi hoàn thành việc giao hàng cho Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng.

4. Bồi thường thiệt hại:

- Do phá vỡ tiến độ thực hiện: 100% giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng.

- Do chất lượng dịch vụ không đảm bảo: Trên cơ sở giá trị bảo đảm bồi thường thiệt hại và theo thực tế hư hỏng, mất mát, thất thoát, tráo đổi hàng hóa hoặc thiếu hụt khối lượng do sử dụng dịch vụ cân đong không hợp chuẩn. Mức giá tối thiểu để tính bồi thường thiệt hại: 500.000 đ/tấn (Năm trăm nghìn đồng trên tấn).

**Chương III. QUY ĐỊNH BIỂU MẪU HỒ SƠ CHÀO GIÁ
ĐỐI VỚI NHÀ CUNG CẤP**

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày tháng năm 2021.

Tên đơn hàng: Cung cấp dịch vụ vận chuyển - giao nhận quặng sắt tuyến Lào Cai - Cao Bằng cho Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng.

Số hiệu đơn hàng: GNVC062021

Kính gửi: Công ty CP Gang thép Cao Bằng

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ mời chào giá cung cấp dịch vụ vận chuyển quặng sắt của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi:

....., cam kết thực hiện đơn hàng: Cung cấp dịch vụ vận chuyển - giao nhận quặng sắt theo đúng yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá với các nội dung như sau:

1. Đơn giá và giá trị đơn hàng:

TT	Dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá chưa VAT (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Dịch vụ vận chuyển - giao nhận quặng sắt tuyến Lào Cai - Cao Bằng cho Công ty CP Gang thép Cao Bằng	Tấn	5.000±10%		
	Tổng cộng trước thuế				
	Thuế VAT 10%				
	Tổng cộng				

Giá chào là giá bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện đơn hàng trên toàn bộ tuyến đường Từ TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai tới TP. Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã bao gồm toàn bộ các loại thuế, phí, lệ phí, chi phí liên quan khác và được giao tại kho của Công ty CP Gang thép Cao Bằng.

2. Chất lượng dịch vụ:

- Chênh lệch cân đồng giữa hai đầu giao nhận hàng hóa: 0,35%.
- Thời gian vận chuyển-giao nhận: Tối đa một chuyến hàng từ khi nhận hàng tại Lào Cai cho đến khi hoàn thành giao hàng tại Cao Bằng là 72 (bảy mươi hai) giờ, trừ trường hợp bất khả kháng.
- Phương tiện vận chuyển có thùng kín hoặc che phủ bạt cẩn thận để tránh mất mát, không được để nước hay bụi bẩn làm ảnh hưởng tới chất lượng hàng hóa.

- Có phương án vận chuyển hàng hoá an toàn từ nơi nhận hàng đến nơi giao hàng, phù hợp với yêu cầu về tiến độ cung cấp.

- Có phương án lưu giữ, bảo quản hàng hóa gửi kho: Nhà cung cấp có trách nhiệm lập phương án lưu giữ, bảo quản hàng hóa gửi kho để xử lý khi tình huống phát sinh trong quá trình vận chuyển-giao nhận hàng hóa.

3. Tiến độ cung cấp:

- Thực hiện liên tục trong các ngày làm việc từ 20/6/2021 đến 15/8/2021

- Khối lượng giao nhận mỗi ngày làm việc: Trung bình tối thiểu 100 tấn.

4. Thanh toán: Trong vòng 45 (bốn mươi năm) ngày kể từ ngày Bên mời chào giá nhận được bộ hồ sơ đề nghị thanh toán hoàn chỉnh.

5. Đề xuất khác (nếu có):
.....
.....

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một Hồ sơ chào giá này.

2. Không đang trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

Nếu Hồ sơ chào giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của Hồ sơ mời chào giá và cam kết cung cấp hàng hóa theo đúng các điều khoản được thỏa thuận trong Hợp đồng.

Hồ sơ chào giá này có hiệu lực trong thời gian **30 ngày**, kể từ ngày
[Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá].

Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: /HĐKT/2021

Về việc: Vận chuyển - giao nhận hàng hàng hóa

Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Thương mại số 03/VBHN-VPQH ngày 28/06/2017 hợp nhất Luật Thương mại số: 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 và Luật Quản lý ngoại thương số: 05/2017/QH14 ngày 12/06/2017 của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ biên bản thương thảo và hoàn thiện hợp đồng;

Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của các bên.

Hôm nay, ngày tháng năm 2021, tại Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

I. Bên thuê vận tải: Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng (Bên A)

- Địa chỉ: Số 52 phố Kim Đồng, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng

- Điện thoại: 02063 953369

Fax: 02063 953 268

- E-mail: gangthepcb@gmail.com

- Tài khoản: 33010000017892 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cao Bằng.

- Mã số thuế: 4800162247

- Đại diện là ông: **Nguyễn Văn Phương** Chức vụ: Giám đốc

II. Bên vận tải: [Nhà cung cấp được lựa chọn] (Bên B)

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Hai bên thỏa thuận và ký kết hợp đồng vận tải và giao nhận hàng hóa với các nội dung cụ thể như sau:

ĐIỀU 1. HÀNG HÓA VẬN CHUYỂN, KHỐI LƯỢNG, THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM GAO NHẬN:

1.1. Tên hàng hóa vận chuyển - giao nhận: Quặng sắt dạng hàng rời không bao bì, độ ẩm tự nhiên tối đa 12%.

1.2. Khối lượng vận chuyển giao nhận: 5.000 tấn $\pm 10\%$ quặng sắt quy khô.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, tùy theo tình hình sản xuất kinh doanh của Bên A, hai bên có thể xem xét thống nhất bằng văn bản việc điều chỉnh khối lượng thực hiện cho phù hợp với điều kiện thực tế.

- Trường hợp phát sinh khối lượng thì hai bên sẽ thỏa thuận và ký Phụ lục Hợp đồng trước khi thực hiện. Khối lượng phát sinh này sẽ được thanh toán theo đơn giá của Hợp đồng này.

1.3. Thời gian và tiến độ vận chuyển:

- Thời gian vận chuyển: Từ 20/6/2021 đến hết 15/8/2021.

- Tiến độ vận chuyển:

+ Số lượng hàng hóa vận chuyển và giao nhận mỗi ngày: Tối thiểu 150 tấn/ngày, thời gian giao nhận 07 ngày/tuần.

+ Thời gian giao nhận hàng hóa từ 07h00 đến 17h00 hàng ngày.

1.4. Địa điểm giao và nhận hàng:

- Địa điểm nhận hàng: Kho quặng sắt Công ty CP Khoáng sản 3 - Vimico, địa chỉ: Mỏ sắt Làng Vinh, Làng Cọ, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Đơn vị giao hàng: Công ty CP Khoáng sản 3 - Vimico.

- Địa điểm giao hàng: Kho quặng sắt Công ty CP Gang thép Cao Bằng, Phân xưởng Khai tuyển - Mỏ sắt Nà Rụa, phường Tân Giang, TP Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

1.5. Thời gian vận chuyển một chuyến hàng:

Ngoại trừ các trường hợp "bất khả kháng" theo quy định của Hợp đồng này, thời gian vận chuyển - giao nhận một chuyến hàng từ khi nhận hàng tại kho bên giao hàng cho đến khi giao hàng tại kho của bên nhận hàng tối đa bằng (=) 72 (bảy mươi hai) giờ.

ĐIỀU 2. PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN, BẢO VỆ HÀNG HÓA.

2.1. Phương thức giao nhận:

- Đại diện giao hàng giao hàng hóa vận chuyển cho Bên B trên phương tiện vận tải của bên B. Khi nhận hàng tại kho của bên giao hàng, đại diện Bên B phải xuất trình giấy giới thiệu và chứng minh thư nhân dân còn giá trị. Kể từ thời điểm ký biên bản giao nhận hàng hóa thì Bên B phải chịu hoàn toàn mọi trách nhiệm về số lượng, chất lượng hàng hóa đã ký nhận.

- Hàng hóa vận chuyển được giao nhận theo phương thức cân trọng lượng hàng thực tế hoặc cân phương tiện vận tải tại cả hai đầu giao hàng và nhận hàng ở trạm cân của bên giao hàng và trạm cân của bên nhận hàng. Bất kỳ bên nào trong các bên giao nhận đều có quyền yêu cầu kiểm tra đối chứng các cân dùng trong giao nhận.

- Số lượng hàng hóa quy khô đã giao phải không nhỏ hơn số lượng hàng hóa quy khô đã nhận (-) tỷ lệ hao hụt tối đa theo quy định tại Hợp đồng này. Trường hợp hàng

hóa thiếu hụt hoặc mất mát vượt quá tỷ lệ hao hụt tối đa cho phép thì Bên B phải bồi thường cho Bên A theo quy định tại Hợp đồng này.

- Hàm lượng %TFe, độ ẩm, trọng lượng quy khô của quặng sắt được xác định theo lô hàng hóa. Hàm lượng %TFe, độ ẩm, trọng lượng quy khô của lô hàng được lập thành biên bản để đại diện có thẩm quyền của hai Bên ký đóng dấu. Biên bản được lập thành 08 (tám) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản, Bên A giữ 06 (sáu) bản để làm cơ sở thanh quyết toán.

- Quy trình cân, lấy mẫu, gia công, phân tích mẫu quặng sắt tại địa điểm nhận hàng: Theo quy trình được ban hành theo Quyết định số 437/QĐ-GTCB ngày 29/3/2019 của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng.

2.2. Áp tải, bảo vệ hàng hóa:

Bên B có trách nhiệm áp tải, bảo vệ hàng hóa từ khi nhận hàng của bên giao hàng cho đến khi hoàn thành việc giao hàng cho bên nhận hàng. Phương tiện vận chuyển của Bên B phải có thùng kín hoặc che phủ bạt cẩn thận để tránh rơi vãi, mất mát, không được để nước hay bụi bẩn làm ảnh hưởng tới chất lượng hàng hóa.

ĐIỀU 3. ĐƠN GIÁ, GIÁ TRỊ CỦA HỢP ĐỒNG

3.1. Đơn giá:

Đơn giá của Dịch vụ vận chuyển - giao nhận hàng hóa tại Hợp đồng này làđồng/tấn (Đơn giá thắng chào giá ngày 18/6/2021)

Đơn giá trên đây được hiểu là: (i) Chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT) 10%; (ii) Đã bao gồm toàn bộ các loại thuế, phí và lệ phí khác theo quy định của pháp luật hiện hành; (iii) Trọng lượng hàng hóa để tính tổng giá trị dịch vụ là trọng lượng hàng hóa với độ ẩm tự nhiên của hàng hóa được Đơn vị giao hàng giao tại kho của bên giao, có địa chỉ: Mỏ sắt Làng Vinh, Làng Cọ, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

3.2. Giá trị của hợp đồng:

TT	Dịch vụ	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá chưa VAT (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Dịch vụ vận chuyển - giao nhận quặng sắt tuyến Lào Cai - Cao Bằng cho Công ty CP Gang thép Cao Bằng	Tấn	5.000±10%		
	Tổng cộng trước thuế				
	Thuế VAT 10%				
	Tổng cộng				

(Bằng chữ:)

ĐIỀU 4. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI VÀ BẢO ĐẢM TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI:

- Bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Bên A khi vi phạm một hay một số trong các quy định về tỷ lệ hao hụt về: (i) trọng lượng; (ii) hàm lượng %TFe của hàng hóa vận chuyển, cụ thể như sau:

+ Tỷ lệ hao hụt (chênh lệch giảm) trọng lượng hàng hóa quy khô giữa hai đầu giao giao và nhận không bị coi là vi phạm tối đa bằng 0,35% (không phải ba năm phần trăm).

+ Tỷ lệ chênh lệch giảm hàm lượng sắt (%TFe) giữa hai đầu giao và nhận không bị coi là vi phạm tối đa là 1% (một phần trăm).

- Giá trị bồi thường thiệt hại được xác định như sau:

+ Đối với hao hụt trọng lượng hàng hóa: Giá trị bồi thường thiệt hại do hao hụt hàng hóa theo quy định được xác định bằng trọng lượng hàng hóa hao hụt nhân (x) với đơn giá đã bao gồm thuế VAT là 550.000 đồng/tấn quy khô.

+ Giá trị bồi thường khi giảm hàm lượng sắt (%TFe): Giá trị bồi thường thiệt hại do chênh lệch giảm hàm lượng sắt (%TFe) vượt quá 1% TFe được xác định bằng tổng số lượng hàng hóa có chênh lệch giảm hàm lượng sắt quy khô nhân (x) 30.000 đồng/tấn (tương ứng 3.000 đồng/0,1%TFe) x phần % vượt quá 1%TFe.

- Trường hợp Bên B để hàng hóa bị hư hỏng, hủy hoại, bị tráo đổi hay mất mát, thiếu hụt có giá trị thiệt hại trên mỗi chuyến hàng được Bên A xác định bằng hoặc vượt quá 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) hoặc tổng giá trị thiệt hại lũy kế của một hoặc nhiều chuyến hàng được Bên A xác định bằng hoặc vượt quá 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Bên A có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng hoặc đình chỉ thực hiện Hợp đồng hoặc hủy bỏ Hợp đồng, đồng thời Bên A ngay lập tức thông báo cho Bên B biết sự kiện này, giá trị thiệt hại, đồng thời yêu cầu Bên B hoặc Ngân hàng bảo lãnh cho Bên B như quy định tại Điều 6 Hợp đồng này thanh toán cho Bên A toàn bộ giá trị thiệt hại này.

- Trường hợp hàng hóa bị hư hỏng, bị hủy hoại, mất mát, bị tráo đổi hoặc thiếu hụt có tổng giá trị thiệt hại lũy kế cuối cùng nhỏ hơn 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng): Bên A thông báo bằng văn bản cho Bên B về tổng giá trị thiệt hại lũy kế phát sinh và được quyền tự động khấu trừ (-) tổng giá trị thiệt hại lũy kế này vào số tiền cước phí vận tải phải thanh toán cho Bên B.

- Trường hợp Bên B phá vỡ tiến độ thực hiện Hợp đồng, mức bồi thường thiệt hại là 100% giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng.

ĐIỀU 5. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN:

- Thanh toán bằng chuyển khoản, bằng Việt Nam đồng.

- Thanh toán theo khối lượng vận chuyển, giao nhận của từng lô hàng hóa.

- Tiến độ thanh toán: Bên A sẽ thanh toán cho Bên B trong vòng 45 ngày kể từ ngày Bên B hoàn thành việc vận chuyển, giao nhận khối lượng của lô hàng hóa và hoàn thiện đầy đủ bộ chứng từ thanh toán của lô hàng hóa gửi cho Bên A.

- Bộ chứng từ thanh toán bao gồm:

+ Đề nghị thanh toán của Bên B.

+ Bản chính các Biên bản giao nhận hàng hóa tại cả hai đầu giao và nhận hàng thể hiện chi tiết: (i) số lượng hàng hóa ảm tự nhiên; (ii) độ ẩm; (iii) số lượng hàng hóa quy khô của lô hàng đã giao nhận.

+ Bản chính các Biên bản xác định hàm lượng các nguyên tố có trong hàng hóa tại cả hai đầu giao và nhận hàng của lô hàng đã giao nhận.

+ Hóa đơn giá trị gia tăng do Bên B phát hành.

ĐIỀU 6. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

6.1. Trách nhiệm của Bên A:

- Kịp thời thông báo cho Bên B nhu cầu vận tải, khối lượng, thời gian, địa điểm giao hàng bằng văn bản/điện thoại/email... Đảm bảo toàn bộ hàng hóa thuê vận chuyển là hợp pháp và không vi phạm quy định của Nhà nước.

- Chịu trách nhiệm thanh toán cước phí vận chuyển - giao nhận theo đúng quy định của Hợp đồng.

- Có trách nhiệm cùng Bên B tiến hành xác định độ ẩm thực tế, trọng lượng hàng ẩm tự nhiên và trọng lượng hàng hóa quy khô và hàm lượng các nguyên tố có trong hàng hóa cho toàn bộ lượng hàng hóa vận chuyển - giao nhận.

6.2. Trách nhiệm của Bên B:

- Căn cứ vào khối lượng hàng hóa của Bên A cần vận chuyển, Bên B phải chuẩn bị phương tiện đầy đủ theo yêu cầu.

- Thông báo chính xác phương tiện vận tải (như biển số xe), thời gian, tên và giấy giới thiệu của nhân viên giao nhận hàng tại mỗi đầu kho giao nhận trước khi giao nhận mỗi chuyến hàng ít nhất là 05 (năm) giờ.

- Khi giao và nhận mỗi chuyến hàng, Bên B phải lập Biên bản giao nhận hàng hóa theo đúng mẫu và đầy đủ thông tin theo mẫu do Bên A cung cấp.

- Khi hoàn thành công tác giao nhận hàng hóa với bên giao hàng và bên nhận hàng, Bên B phải lập ít nhất 06 (sáu) Biên bản giao nhận gốc có đầy đủ chữ ký của đại diện có thẩm quyền của các bên giao nhận hàng hóa và có đóng dấu của đơn vị giao/nhận hàng; 01 (một) bản gốc gửi cho Bên A ngay sau khi hoàn thành giao nhận; 01 (một) bản gốc gửi cho Bên A trong bộ hồ sơ thanh toán.

- Có trách nhiệm cùng các bên giao nhận tiến hành xác định độ ẩm, trọng lượng hàng hóa ẩm tự nhiên, trọng lượng hàng hóa quy khô và hàm lượng các nguyên tố có trong hàng hóa vận chuyển - giao nhận.

- Bảo quản, che phủ bạt cẩn thận để đảm bảo an toàn tuyệt đối cho hàng hóa. Trong quá trình vận chuyển, phải kịp thời thông báo cho Bên A biết lịch trình, khó khăn ách tắc và phương án khắc phục để cùng phối hợp bàn biện pháp giải quyết.

- Chịu toàn bộ trách nhiệm nếu để xảy ra rơi vãi hàng hóa gây ảnh hưởng tới môi trường trên toàn bộ cung đường vận chuyển.

- Cử nhân viên đi áp tải hàng hóa trong suốt quá trình vận chuyển trên đường. Nghiêm cấm việc tráo đổi chủng loại hàng hóa trong quá trình vận chuyển. Nếu để xảy ra việc tráo đổi chủng loại hàng hóa trong quá trình vận chuyển, giao/nhận thì Bên B phải bồi thường thiệt hại cho Bên A. Giá trị bồi thường được xác định theo đơn giá hàng hóa quy định tại Điều 3 Hợp đồng này cho toàn bộ số lượng hàng hóa bị tráo đổi.

- Chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Bên A đối với số lượng hàng hóa giao thiếu.

ĐIỀU 7. BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

- Trong vòng 10 (mười) ngày kể từ ngày hai bên ký kết hợp đồng, Bên B phải thực hiện biện pháp Bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng 10% (mười phần trăm) giá trị hợp đồng tương đương đồng, đã bao gồm thuế GTGT 10% (Bằng chữ: đồng). Bảo đảm hợp đồng bằng một trong các hình thức sau:

+ Thư bảo lãnh của Ngân hàng hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam.

+ Nộp tiền vào tài khoản Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng số TK: 3301 0000 017 892 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam Chi nhánh Cao Bằng.

+ Trường hợp Bên B có công nợ dư tại Công ty cổ phần Gang thép Cao Bằng theo các hợp đồng kinh tế đã phát sinh trước đây thì có thể dùng phần dư có đó để chuyển thành bảo đảm thực hiện hợp đồng (nếu phần dư có đủ giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng, nếu chưa đủ có thể chuyển khoản bổ sung cho phần thiếu hụt).

- Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực cho đến ngày Bên B hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo Hợp đồng.

- Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A như một khoản bồi thường cho bất cứ thiệt hại nào phát sinh do lỗi của Bên B khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo Hợp đồng.

- Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trong vòng 10 ngày làm việc, kể từ ngày hai bên hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng.
- Bên B không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

- + Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực.
- + Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng.
- + Bồi thường thiệt hại (nếu có).

ĐIỀU 8. BẤT KHẢ KHÁNG

- Các sự kiện bất khả kháng bao gồm, nhưng không chỉ duy nhất các sự kiện như: thiên tai (lũ lụt, động đất, hỏa hoạn, phun trào núi lửa, sóng thần); dịch họa; tội phạm; nổi loạn; khởi nghĩa; nổi dậy; dân biến; bom mìn còn sót lại sau chiến tranh; khủng bố; hành động của kẻ thù nước ngoài; thù nghịch (có hoặc không có tuyên bố chiến tranh); chiến tranh; sức mạnh quân sự; tiếm nghịch; sung công; quốc hữu hóa; trừng phạt của chính quyền; bao vây; cấm vận; tranh chấp lao động; bãi công; đình công; đóng cửa doanh nghiệp hoặc bất kỳ nguyên nhân nào khác vượt quá sự kiểm soát của các bên.

- Không bên nào phải chịu trách nhiệm cho việc không thực hiện các nghĩa vụ của mình trong Hợp đồng khi nguyên nhân của việc không thực hiện đó xuất phát từ hậu quả của sự kiện bất khả kháng.

- Bất kỳ bên nào đưa ra khẳng định bất khả kháng như là lý do để biện minh cho việc không thực hiện và/hoặc thực hiện không đầy đủ các nghĩa vụ của mình có trách nhiệm trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi xảy ra sự kiện bất khả kháng phải chứng minh bằng văn bản và/hoặc bằng chứng cứ rằng các biện pháp hợp lý đã được thực hiện (tùy theo hoàn cảnh) để giảm thiểu sự chậm trễ hay các tổn thất phát sinh ra từ các sự kiện có thể dự đoán trước, rằng tất cả các bên phận không thể được miễn trách nhiệm đã được thực thi đầy đủ, và bên kia đã được thông báo kịp thời về sự kiện có thể xảy ra hay sự kiện đã xảy ra trên thực tế và chúng là có thể biện minh cho khẳng định như vậy, sao cho các cảnh báo thận trọng khác có thể được coi là đã có.

- Trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng thì thời gian thực hiện Hợp đồng và các Phụ lục hợp đồng (nếu có) kèm theo sẽ được kéo dài bằng thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng.

- Trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi sự kiện bất khả kháng qua đi, bên rơi vào tình trạng bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các bên phận và nghĩa vụ của mình đã quy định trong Hợp đồng.

ĐIỀU 9. HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày **15/8/2021** hoặc sau khi hai bên hoàn thành các nghĩa vụ của mình - tùy theo điều kiện nào xảy ra trước.

ĐIỀU 10. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo các điều khoản của Hợp đồng.

- Mọi thay đổi, bổ sung trong thời gian Hợp đồng còn hiệu lực phải được hai bên thống nhất bằng văn bản và được ký kết bằng Phụ lục hợp đồng. Văn bản Phụ lục bổ sung là một phần không thể tách rời của Hợp đồng.

- Sự vô hiệu của bất kỳ một điều khoản nào trong Hợp đồng phải được thay thế bằng một Phụ lục hợp đồng khác được ký bởi hai bên và không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản khác còn lại.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, có vấn đề gì phát sinh thì hai bên thông báo cho nhau bằng văn bản và cùng nhau bàn bạc giải quyết. Trong trường hợp hai bên

không tự giải quyết được thì trong vòng 30 (ba mươi) ngày một trong hai bên có quyền đưa đơn đến tòa án có thẩm quyền để giải quyết (Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng). Phán quyết của tòa án là chung cuộc, có hiệu lực đối với cả hai bên và ràng buộc các bên phải tuân thủ. Bên thua phải chịu toàn bộ án phí để giải quyết vụ việc.

- Hợp đồng được lập thành 08 (tám) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 04 (bốn) bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN BÊN MUA

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

